

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 60, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của:

- Chị **Cao Thị T** - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn LB, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

- Anh **Mẫu T1** - sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn LB, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: Thôn XB, xã SH, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà C, khu bán đảo LD, quận HM, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đương Quyết T2** - Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền ông **Nguyễn Văn N** - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện KS. (Theo quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 7300/QĐ - NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội).

Ông **Nguyễn Văn N** uỷ quyền cho ông **Nguyễn Thành H** - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Khánh Sơn.

Địa chỉ: Số 8, đường Hoàng VT, Tổ dân phố HC, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

(Giấy uỷ quyền số: 26/NHCSKS-UQ ngày 06/02/2020)

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 5 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 5 năm 2022, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Cao Thị T - sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn LB, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

- Anh Mầu T1 - sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn LB, xã SB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: Thôn XB, xã SH, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà.

- *Về con chung*: Chị Cao Thị T và anh Mầu T1 có 03 con chung là cháu Cao Đức D - sinh ngày 02/3/2003, cháu Cao Thị Mỹ H - sinh ngày 06/7/2007 và cháu Cao Thị Mỹ P - sinh ngày 11/9/2009. Chị Cao Thị T và anh Mầu T1 thỏa thuận: Chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Thị Mỹ H và cháu Cao Thị Mỹ P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cao Thị T và anh Mầu T1 không yêu cầu.

Đối với cháu Cao Đức D - sinh ngày 02/3/2003, hiện nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, chị Cao Thị T và anh Mầu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Chị Cao Thị T và anh Mầu T1 tự thỏa thuận không yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Chị Cao Thị T và anh Mầu T1 có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội theo Hợp đồng vay vốn số: 6600000719762171 ngày 10/3/2021, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất quá hạn 8,58%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/3/2026. Tính đến ngày 16/5/2022, số tiền nợ là 38.700.000 đồng (*Ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng*); trong đó: Tiền gốc: 36.000.000 đồng, tiền lãi là 2.700.000 đồng.

Chị Cao Thị T, anh Mầu T1 và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội ông Nguyễn Thành H thỏa thuận:

Chị Cao Thị T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/5/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Anh Mầu T1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ lãi là 2.700.000 đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

[2]. *Quy định*: Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện K S;
- UBND xã SB, huyện KS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Trương Văn Vương